

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2008/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2008

THÔNG TƯ

hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề

Căn cứ Luật giáo dục (năm 2005);

Căn cứ Luật dạy nghề (năm 2006);

Căn cứ Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tuần làm việc 40 giờ;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ làm việc của giáo viên giảng dạy trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề ở các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề; trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục khác, doanh nghiệp có đăng ký dạy nghề (gọi chung là cơ sở dạy nghề).

2. Đối tượng áp dụng

Giáo viên cơ hữu (biên chế hoặc hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên) trực tiếp giảng dạy, cán bộ làm công tác quản lý có tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề ở các cơ sở dạy nghề công lập, tư thục.

3. Quy định về thời gian giảng dạy, quy đổi thời gian giảng dạy, tiêu chuẩn giờ giảng, quy mô lớp

a) Thời gian giảng dạy, quy đổi thời gian giảng dạy

- Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ;

- Một giờ dạy lý thuyết là 45 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn;

- Một giờ dạy tích hợp (kết hợp cả lý thuyết và thực hành) là 45 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn;

- Một giờ dạy thực hành là 60 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.

b) Tiêu chuẩn giờ giảng là số giờ chuẩn định mức cho mỗi giáo viên phải giảng dạy, được quy định theo năm học hoặc tuần làm việc.

c) Lớp học lý thuyết không quá 35 học sinh, sinh viên. Lớp học thực hành không quá 18 học sinh, sinh viên đối với nghề bình thường; không quá 10 học sinh, sinh viên đối với nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (theo Danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành). Hiệu trưởng, giám đốc các cơ sở dạy nghề quyết định số học sinh, sinh viên cụ thể của lớp học, đảm bảo phù hợp với đặc điểm của từng nghề.

II. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ, TRUNG CẤP NGHỀ

1. Nhiệm vụ

a) Công tác giảng dạy, bao gồm:

- Chuẩn bị giảng dạy: soạn giáo án, lập đề cương bài giảng, chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy mô đun, môn học được phân công giảng dạy;

- Giảng dạy mô-đun, môn học được phân công theo kế hoạch và quy định của chương trình;

- Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho học sinh, sinh viên giỏi nghề tham gia Hội thi tay nghề các cấp;

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên: soạn đề thi, kiểm tra; coi thi, kiểm tra, đánh giá kết quả; chấm thi tuyển sinh, chấm thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả nghiên cứu của sinh viên;

- Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy. Góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung môn học, mô-đun được phân công giảng dạy;

- Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị dạy nghề.

b) Tổ chức các hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh, sinh viên;

c) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm, cải tiến phương pháp giảng dạy; tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Tham gia bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của trường, khoa, bộ môn;

đ) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào dạy nghề và thực tiễn sản xuất. Hướng dẫn sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học;

e) Tham gia quản lý công tác đào tạo;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và yêu cầu của nhà trường.

2. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ hàng năm

a) Thời gian làm việc của giáo viên dạy cao đẳng nghề, trung cấp nghề là 44 tuần/năm học, trong đó:

- Giảng dạy và giáo dục học sinh, sinh viên: 32 tuần đối với giáo viên dạy cao đẳng nghề; 36 tuần đối với giáo viên dạy trung cấp nghề;

- Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học: 12 tuần đối với giáo viên dạy cao đẳng nghề; 8 tuần đối với giáo viên dạy trung cấp nghề.

Trường hợp giáo viên sử dụng không hết thời gian để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học theo quy định thì Hiệu trưởng bố trí thời gian còn lại chuyển sang làm công tác giảng dạy.

b) Thời gian nghỉ hàng năm của giáo viên là 8 tuần, bao gồm: nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ.

Giáo viên hoàn thành nhiệm vụ được giao được nghỉ 8 tuần. Giáo viên, cán bộ làm công tác quản lý học sinh, sinh viên được nghỉ như giáo viên.

Cán bộ quản lý có tham gia giảng dạy, hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và tiêu chuẩn giờ giảng được nghỉ 6 tuần.

Thời gian nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ các ngày lễ được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có) và chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể của từng trường, Hiệu trưởng bố trí cho giáo viên nghỉ vào thời gian thích hợp.

3. Tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên

a) Tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên trong một năm học: từ 380 đến 450 giờ chuẩn đối với giáo viên dạy cao đẳng nghề; 430 đến 510 giờ chuẩn đối với giáo viên dạy trung cấp nghề.

Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, đặc điểm của từng mô-đun, môn học, trình độ của giáo viên để quyết định tiêu chuẩn giờ giảng của

mỗi giáo viên trong một năm học cho phù hợp.

Tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên dạy các môn học chung (Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất, Chính trị, Pháp luật, Ngoại ngữ, Tin học) trong một năm học là 450 giờ chuẩn đối với giáo viên dạy cao đẳng nghề; 510 giờ chuẩn đối với giáo viên dạy trung cấp nghề.

Tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên dạy các môn văn hóa phổ thông trong trường trung cấp nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

b) Tiêu chuẩn giờ giảng tối thiểu cho cán bộ quản lý tham gia giảng dạy trong năm học được quy định như sau:

- Hiệu trưởng: 30 giờ/năm;
- Phó Hiệu trưởng: 40 giờ/năm;
- Trưởng phòng và tương đương: 60 giờ/năm;
- Phó trưởng phòng và tương đương: 70 giờ/năm;

- Cán bộ phòng Đào tạo: 80 giờ/năm.

4. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn

a) Giảng dạy:

- Giảng dạy song song nhiều lớp cùng chương trình, trình độ, từ lớp thứ 3 trở đi: 1 giờ lý thuyết được tính bằng 0,75 giờ chuẩn;

- Trường hợp đặc biệt cần thiết phải ghép lớp: giảng dạy lý thuyết cho lớp có trên 35 học sinh, sinh viên: 1 giờ được tính bằng 1,2 giờ chuẩn; có trên 50 học sinh, sinh viên: 1 giờ được tính bằng 1,3 giờ chuẩn; tối đa không quá 60 học sinh, sinh viên;

- Giảng dạy hai môn học, môn học khác nhau trở lên đan xen trong cùng một khoảng thời gian: số giờ chuẩn giảng dạy được tính với hệ số 1,1.

- Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị dạy nghề (cấp tổ môn trở lên phê duyệt) được tính quy đổi ra giờ chuẩn; Hiệu trưởng căn cứ điều kiện cụ thể để quy định số giờ chuẩn quy đổi cho phù hợp.

- Giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên khác trong trường: 1 giờ được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;